

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5**

**HỒ SƠ YÊU CẦU
CHÀO HÀNG CẠNH TRANH**

**Công trình: Thủy điện Nậm Nghiệp 1, Bắc Mê và mỏ đá Cơn Tria
Gói thầu: Cung cấp vật tư khoan**

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Đại diện Công ty cổ phần Sông Đà 5

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Văn Huyền

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| Từ ngữ viết tắt..... | 3 |
| A. Chỉ dẫn đối với nhà cung cấp..... | 4 |
| B. Yêu cầu về kỹ thuật và tiêu chuẩn đánh giá..... | 8 |
| C. Biểu mẫu..... | 11 |
| Mẫu số 1. Đơn chào hàng..... | 11 |
| Mẫu số 2. Giấy ủy quyền..... | 12 |
| Mẫu số 3. Biểu giá chào..... | 13 |
| D. Dự thảo hợp đồng..... | 14 |

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

| | |
|------|------------------------------------|
| HSYC | Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh |
| HSCG | Hồ sơ chào giá |
| SĐ5 | Công ty cổ phần Sông Đà 5 |
| VND | Đồng Việt Nam |

A. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Nội dung gói thầu

SĐ5 mời nhà cung cấp tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu cung cấp vật tư khoan phục vụ thi công tại công trình thủy điện Nậm Nghiệp 1 – Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, công trình thủy điện Bắc Mê tại huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang và mỏ đá Con Tria tại huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Mục 2. Phạm vi cung cấp

Phạm vi cung cấp như chi tiết kèm theo.

Mục 3. Thời hạn cung cấp hàng hóa

Thời hạn cung cấp hàng hóa trong vòng từ 05 ngày đến 10 ngày kể từ ngày Hợp đồng được hai Bên ký kết.

Mục 4. Nội dung của HSCG

1. HSCG cũng như tất cả các văn bản, tài liệu trao đổi giữa SĐ5 và nhà cung cấp liên quan đến việc chào hàng cạnh tranh phải được viết bằng tiếng Việt.

2. HSCG do nhà cung cấp chuẩn bị bao gồm các nội dung sau:

- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà cung cấp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh);

- Đơn chào hàng theo Mẫu số 1;

- Biểu giá chào theo Mẫu số 3;

- Các tài liệu khác (nếu có).

Mục 5. Đơn chào hàng

Đơn chào hàng được ghi đầy đủ theo Mẫu số 1, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp (người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ theo Mẫu số 2).

Mục 6. Giá chào hàng

1. Giá chào hàng là giá do nhà cung cấp nêu trong đơn chào hàng sau khi trừ phần giảm giá (nếu có). Giá chào hàng phải bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của HSYC. Giá chào hàng được chào bằng đồng tiền Việt Nam.

2. Trường hợp nhà cung cấp có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSCG hoặc nộp riêng song phải đảm bảo SĐ5 nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSCG. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSCG thì nhà cung cấp phải thông báo cho SĐ5 trước thời điểm hết hạn nộp HSCG hoặc phải có bảng kê thành phần HSCG trong đó có thư giảm giá. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung, cách thức giảm giá đối với từng loại hàng hóa cụ thể nêu trong biểu giá chào bằng giá trị tuyệt đối. Trường hợp không nêu rõ nội dung, cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả các loại hàng hóa nêu trong biểu giá chào.

3. Biểu giá chào phải được ghi đầy đủ theo Mẫu số 3, có chữ ký của người đại

diện hợp pháp của nhà cung cấp.

Mục 7. Thời gian có hiệu lực của HSCG

Thời gian có hiệu lực của HSCG là 15 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSCG là 16 giờ, ngày 24 tháng 02 năm 2015.

Mục 8. Chuẩn bị và nộp HSCG

1. HSCG do nhà cung cấp cấp chuẩn bị phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn chào hàng, biểu giá chào, thư giảm giá (nếu có) và các văn bản bổ sung, làm rõ HSCG (nếu có) phải được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký và đóng dấu (nếu có). Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn chào hàng) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).

2. Nhà cung cấp nộp HSCG đến SD5 bằng cách gửi mail vào địa chỉ Nghiatv.sdcc@gmail.com⁽¹⁾ trước thời điểm hết hạn nộp HSCG là 16 giờ, ngày 24 tháng 02 năm 2015. HSCG của nhà cung cấp gửi đến sau thời điểm hết hạn nộp HSCG là không hợp lệ và bị loại.

Mục 9. Làm rõ HSCG

1. Trong quá trình đánh giá HSCG, SD5 có thể yêu cầu nhà cung cấp làm rõ nội dung của HSCG (kể cả việc làm rõ đơn giá khác thường) và bổ sung tài liệu trong trường hợp HSCG thiếu tài liệu theo yêu cầu của HSYC với điều kiện không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSCG đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ HSCG được thực hiện giữa SD5 và nhà cung cấp có HSCG cần phải làm rõ dưới hình thức trao đổi trực tiếp (SD5 mời nhà cung cấp đến gặp trực tiếp để trao đổi, những nội dung hỏi và trả lời phải lập thành văn bản) hoặc gián tiếp (SD5 gửi văn bản yêu cầu làm rõ và nhà cung cấp phải trả lời bằng văn bản). Trong văn bản yêu cầu làm rõ cần quy định thời hạn làm rõ của nhà cung cấp. Nội dung làm rõ HSCG thể hiện bằng văn bản được SD5 bảo quản như một phần của HSCG. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà SD5 không nhận được văn bản làm rõ hoặc nhà cung cấp có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của SD5 thì SD5 xem xét, xử lý theo các quy định của SD5.

Mục 10. Đánh giá các HSCG

Việc đánh giá HSCG được thực hiện theo trình tự như sau:

1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSCG, bao gồm:
 - a) Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp theo quy định tại khoản 2 Mục 4 (sau khi đã làm rõ hoặc bổ sung tài liệu theo yêu cầu của SD5);
 - b) Thời gian và chữ ký hợp lệ trong các tài liệu như đơn chào hàng, biểu giá chào;
 - c) Hiệu lực của HSCG theo quy định tại Mục 7.

⁽¹⁾Địa chỉ mail này là địa chỉ duy nhất Nhà cung cấp gửi HSCG cho SD5.

HSCG của nhà cung cấp sẽ bị loại bỏ và không được xem xét tiếp nếu nhà cung cấp không đáp ứng một trong các nội dung nói trên.

2. Đánh giá về kỹ thuật: SD5 đánh giá theo các yêu cầu về kỹ thuật nêu trong HSYC đối với các HSCG đáp ứng yêu cầu về tính hợp lệ. Việc đánh giá các yêu cầu về kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. HSCG vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về kỹ thuật đều được đánh giá là “đạt”.

3. So sánh giá chào:

a) SD5 tiến hành việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).

b) SD5 so sánh giá chào của các HSCG đáp ứng về kỹ thuật để xác định HSCG có giá chào thấp nhất được xếp thứ nhất.

Mục 11. Điều kiện đối với nhà cung cấp được đề nghị trúng giá

Nhà cung cấp được đề nghị trúng giá khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có HSCG hợp lệ và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong HSYC;
- Không có tên trong hai hoặc nhiều HSCG với tư cách là nhà cung cấp chính và không vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
- Có giá chào thấp nhất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch.

Mục 12. Thông báo kết quả chào hàng

SD5 thông báo kết quả chào hàng bằng văn bản cho tất cả các nhà cung cấp tham gia nộp HSCG sau khi có quyết định phê duyệt kết quả chào hàng. Đối với nhà cung cấp trúng thầu phải ghi rõ thời gian, địa điểm tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.

Mục 13. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng

SD5 tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng với nhà cung cấp trúng thầu để ký kết hợp đồng.

Mục 14. Kiến nghị trong quá trình chào giá

Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả chào hàng và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

Mọi thông tin kiến nghị của Nhà cung cấp phải được lập thành văn bản và đề nghị gửi về theo địa chỉ:

- Công ty cổ phần Sông Đà 5;
- Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa Nhà HH4, Khu đô thị Sông Đà Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0422255586-34

Fax: 0422255558

Mục 15. Xử lý vi phạm

Trường hợp nhà cung cấp có các hành vi vi phạm trong quá trình chào giá thì sẽ bị xử lý theo Quyết định số: 743/QĐ-QLNB ngày 24/12/2014 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 5.

CHI TIẾT PHẠM VI CUNG CẤP

| T T | Tên/chủng loại hàng hóa | Mã danh điểm | Đơn vị | Số lượng/khối lượng | | | | Ghi chú |
|--------|--|---------------------|-----------|------------------------|-----------------|----------------------|--------------|------------|
| | | | | TĐ Nậm Nghệ 1 | TĐ Bắc Mê | Mỏ đá Cơn Tria | Tổng cộng | |
| 1 | Mũi khoan T45 – 76 | 45MPVS76R1 5H | Cái | 500 | 108 | | 608 | |
| 2 | Ổng nối T45 | CM45 | Cái | 250 | 163 | | 413 | |
| 3 | Cần khoan T45 – 3660mm | ER45M45- 3660 | Cái | 106 | 75 | | 181 | |
| 4 | Chuôi búa HD712 – T45 | S222M45SFB G | Cái | 60 | | | 60 | |
| 5 | Cần khoan lục giác xử lý T38-R28- 3050 | EH32T38R28- 3100 | Cái | 5 | | | 5 | |
| 6 | Mũi khoan T38x76 | 38MPVR76R1 5M | Cái | | | 14 | 14 | |
| 7 | Mũi khoan T38x89 | 38MPVR89R1 5 | Cái | | | 20 | 20 | |
| 8 | Cần khoan T38x3,05 | ER38M38- 3050 | Cái | | | 10 | 10 | |
| 9 | Chuôi búa YA80A: T45 (loại dài) | SI03-G500-T | Cái | 10 | 28 | | 38 | |
| 10 | Chuôi búa HD709- T38 (loại dài) | 06F-07-2846 | Cái | | | 10 | 10 | |

Ghi chú:

- Hàng sử dụng cho TĐ Nậm Nghệ 1 và TĐ Bắc Mê: tại Kho của SD5 tại Thôn Thượng Hội, xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Hàng sử dụng cho mỏ đá Cơn Tria: Tại kho của Bên Mua tại mỏ đá Cơn Tria (Mỏ Quân khu 4) thuộc địa phận xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Mục 1-:8 lấy theo danh điểm của Mitsubishi, mục 9 lấy theo danh điểm của Junjin, mục 10 lấy theo danh điểm của Robit – Phần Lan. Các nhà cung cấp căn cứ quy đổi tương đương.

B. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ

1. Yêu cầu về xuất xứ

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, SD5 quy định các yêu cầu về kỹ thuật theo Bảng dưới đây cho phù hợp.

| TT | Tên/chủng loại hàng hóa | Yêu cầu Xuất xứ | Các yêu cầu khác |
|----|---------------------------------------|---------------------------|---|
| 1 | Mũi khoan T45 – 76 | Chính hãng, G7, EU | Hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO) và chứng chỉ chất lượng sản phẩm (CQ) |
| 2 | Ống nối T45 | Chính hãng, G7, EU | |
| 3 | Cần khoan T45 – 3660mm | Chính hãng, G7, EU | |
| 4 | Chuôi búa YA80A: T45 (loại dài) | G7, EU, Hàn Quốc | |
| 5 | Chuôi búa HD712 – T45 | G7, EU Chính hãng, G7, EU | |
| 6 | Cần khoan lục giác xử lý T38-R28-3050 | Chính hãng, G7, EU | |
| 7 | Mũi khoan T38x76 | Chính hãng, G7, EU | |
| 8 | Mũi khoan T38x89 | Chính hãng, G7, EU | |
| 9 | Chuôi búa HD709-T38 (loại dài) | Chính hãng, G7, EU | |
| 10 | Cần khoan T38x3,05 | Chính hãng, G7, EU | |

2. Yêu cầu chất lượng

Chất lượng hàng hóa cung cấp phải đáp ứng đồng thời các nội dung yêu cầu sau:

- 2.1. Địa điểm sử dụng: Đáp ứng yêu cầu sử dụng cho Dự án Nậm Nghiệp 1;
- 2.2. Thiết bị thực hiện khoan: Máy khoan Furukawa HCR 1200 DSIII và/hoặc máy khoan Furukawa HCR1200 EDII và/hoặc máy khoan Furukawa HCR 900 và/hoặc máy khoan JunJin CMS Model: JD1300E;
- 2.3. Chiều sâu khoan tối đa: 11m;
- 2.4. Điều kiện địa chất và cơ lý đá:
Đá nền chủ yếu là cuội kết và sa thạch. Một vài mẫu đá được tiến hành thí nghiệm và tóm tắt kết quả tại bảng sau:

| Loại đá | Mật độ (gf/m ³) | | Thẩm nước (%) | Tốc độ xung (m/giây)* | Cường độ nén một trục (MPa) | Hệ số biến dạng ngang | Thí nghiệm độ chặt (%) ** | Thí nghiệm phản ứng kiềm của cốt liệu |
|----------|-----------------------------|-------------------|---------------|-----------------------|-----------------------------|-----------------------|---------------------------|---------------------------------------|
| | Mật độ thể tích | Trọng lượng riêng | | | | | | |
| Sa thạch | 2.58 (21) *** | 2.66 (21) | 1.10 (21) | 3,775 (21) | 127.1 (21) | 0.19 (7) | 0.14 (7) | Không độc hại (1) |
| Cuội kết | 2.59 (14) | 2.67 (14) | 1.23 (14) | 3,935 (14) | 102.9 (14) | 0.19 (7) | 0.14 (3) | Không độc hại (1) |

*Tốc độ xung nén, ** thí nghiệm ASTM C-88, *** () số mẫu

2.5. Suất tiêu hao: Suất tiêu hao khi thực hiện 1.000 mét dài khoan không được lớn hơn suất tiêu hao tối đa được quy định tại bảng sau:

| TT | Vật tư | ĐVT | Suất tiêu hao tối đa | Ghi chú |
|----|--|-----|----------------------|--|
| 1 | Chuôi búa HD712 – T45; Chuôi búa YA80A: T45 (loại dài) | cái | 0.33 | |
| 2 | Ổng nối T45 | cái | 1.00 | |
| 3 | Cần khoan T45 – 3660mm | cái | 0.50 | |
| 4 | Mũi khoan T45 – 76 | cái | 2.50 | |
| 5 | Cần khoan lục giác xử lý T38-R28-3050 | cái | N/A | Cùng nguồn gốc xuất xứ với mục 1,2,3,4 |
| 6 | Mũi khoan T38x76 | cái | N/A | Cùng nguồn gốc xuất xứ với mục 1,2,3,4 |
| 7 | Mũi khoan T38x89 | cái | N/A | Cùng nguồn gốc xuất xứ với mục 1,2,3,4 |
| 8 | Chuôi búa HD709-T38 (loại dài) | cái | N/A | Cùng nguồn gốc xuất xứ với mục 1,2,3,4 |
| 9 | Cần khoan T38x3,05 | cái | N/A | Cùng nguồn gốc xuất xứ với mục 1,2,3,4 |
| 10 | Cần khoan T38x3,66 | cái | N/A | Cùng nguồn gốc xuất xứ với mục 1,2,3,4 |
| 11 | Khớp nối T38-38 | cái | N/A | Cùng nguồn gốc xuất xứ với mục 1,2,3,4 |

Lưu ý: Các dữ liệu về địa chất và tính chất cơ lý đá được lấy trên cơ sở tài liệu báo cáo của Chủ đầu tư cung cấp. Nếu nhà cung cấp muốn xác minh thì phải tự khảo sát bằng chi phí của mình.

4. Tiêu chuẩn đánh giá

Sử dụng phương pháp theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. HSCG được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về kỹ thuật đều được đánh giá là “đạt”.



C. BIỂU MẪU

Mẫu số 1

ĐƠN CHÀO HÀNG

....., ngày tháng năm 2015

Kính gửi: **Công ty cổ phần Sông Đà 5**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh số(nếu có)mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,[Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện gói thầu[Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ] cùng với biểu giá kèm theo.

Nếu hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp hàng hóa theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian ngày [Ghi số ngày], kể từ giờ, ngày tháng năm[Ghi thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đề xuất].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽¹⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2). Trước khi ký kết hợp đồng, nhà cung cấp trúng thầu phải trình SD5 bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày tháng năm, tại

Tôi là.....[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của [Ghi tên nhà cung cấp] có địa chỉ tại.....[Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho.....[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu.....[Ghi tên gói thầu] thuộc dự án_____ [Ghi tên dự án] do Công ty cổ phần Sông Đà 5 tổ chức:

- Ký đơn chào hàng;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Công ty cổ phần Sông Đà 5 trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSCG;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký kết hợp đồng với Công ty cổ phần Sông Đà 5 nếu trúng thầu. ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của.....[Ghi tên nhà cung cấp]. [Ghi tên nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngàyđến ngày⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ bản, người được ủy quyền giữ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho SĐ5 cùng với đơn chào hàng theo quy định tại Mục 5. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh.

BIỂU GIÁ CHÀO

| TT | Tên hàng hóa | Đặc tính kỹ thuật | Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm | Nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa | Thời hạn bảo hành (nếu có) | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá (bao gồm cả chi phí vận chuyển) | Thành tiền (.....) |
|-------------------------------------|--------------|-------------------|-------------------------------|-----------------------------|----------------------------|-------------|----------|---|--------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) = (8) x (9) |
| 1 | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | |
| Tổng cộng giá trị trước thuế | | | | | | | | | |
| Thuế VAT | | | | | | | | | |
| Tổng cộng giá trị sau thuế | | | | | | | | | |

Bảng chữ:

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



D. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
(Chi tiết kèm theo)

